

Bản án số: 73/2024/HS-ST  
Ngày 31-7-2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Thượng;

Ông Trần Hữu Tiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

**Phạm Văn L**, sinh ngày 01/01/1971 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không có, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/4/1994 bị Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, chấp hành xong ngày 16/5/1995, bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 30/4/2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Cháu Huỳnh Lê Hoàng K, sinh năm 2010; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Huỳnh Lê Hoàng K: Chị Lê Thị N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh là mẹ ruột của cháu Huỳnh Lê Hoàng K, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 14 giờ ngày 19/4/2024, Phạm Văn L đi hái măng tươi dọc theo khu vực suối T thuộc ấp L, xã Đ, huyện C để đem về nấu ăn, khi đến khu vực bãi cát gần bờ suối Lặc thấy 02 chiếc xe mô tô đang đậu nhưng không có người trông giữ, L phát hiện xe mô tô của ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977 ngụ ấp T, xã Đ, huyện C không khóa cốp xe nên Lặc mở cốp xe bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 và 01 cái ví (bóp) của ông T, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 của bà Huỳnh Thị Thu H (vợ ông T) sinh năm 1980, ngụ ấp B, xã D, huyện C, 01 điện thoại di động hiệu Tecno Spark, Go 2024 của Huỳnh Lê Hoàng K (cháu ông T), sinh ngày 24/6/2010 ngụ ấp T, xã Đ, huyện C nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Lặc lấy trộm 03 điện thoại di động và 01 cái ví rồi mang về nhà cất giấu. Khi về đến nhà L kiểm tra bên trong ví có tiền Việt Nam 480.000 đồng và đã tiêu xài hết, còn cái ví đã cũ L ném vào lò lửa đốt cháy. Đến 21 giờ cùng ngày, L nhậu cùng với Phạm V, sinh năm 1978 ngụ ấp B, xã D, huyện C, trong lúc nhậu L nói cho V nghe vừa nhặt được 01 điện thoại di động hiệu Tecno Spark, Go 2024 và nhờ V đem bán dùm, nếu bán được thì lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, L đem 02 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 và Samsung Galaxy A13 đến quán cà phê thuộc khu vực xã N để bán thì bị Công an xã Đ phát hiện và thu giữ vật chứng.

\* Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 24/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Châu xác định: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A13, số Imel: 352469858630586; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30, số Imel: 354868102173350; 01 điện thoại di động Tecno Spark, Go 2024 số Imel: 3598797705249765, tại thời điểm định giá ngày 24/4/2024 có tổng giá trị là 4.000.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: đã trả lại cho ông Nguyễn Thành T 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30, số Imel: 354868102173350 là chủ sở hữu hợp pháp; trả cho bà Huỳnh Thị Thu H 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A13, số Imel: 352469858630586 là chủ sở hữu hợp pháp; đã trả cho Huỳnh Lê Hoàng K 01 điện thoại di động Tecno Spark, Go 2024 số Imel: 3598797705249765 là chủ sở hữu hợp pháp.

Xác minh tài sản: Phạm Văn L không có tài sản riêng có giá trị nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thành T, bà Huỳnh Thị Thu H, cháu Huỳnh Lê Hoàng K đã nhận lại tài sản bị mất trộm. Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông T số tiền bị mất trộm 480.000 đồng; các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

*Bản Cáo trạng số 71/CT-VKSTC, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.*

### **Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L mức án tù 06 tháng tù – 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định bị cáo có tội: Ngày 19/4/2024, tại khu vực ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Phạm Văn L thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 và số tiền 480.000 đồng của ông Nguyễn Thành T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 của bà Huỳnh Thị Thu H; 01 điện thoại di động hiệu Tecno Spark, Go 2024 của cháu Huỳnh Lê Hoàng K, Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.480.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Bản cáo trạng số 71/CT-VKSTC ngày 10/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại

phiên tòa đối với bị cáo Phạm Văn L với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan.

[4] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng Nhân dân. Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn L thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản bị kê biên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bồi thường thiệt hại: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đối với hành vi của Phạm V giúp Phạm Văn L bán chiếc điện thoại di động hiệu Tecno Spark, Go 2024, do Vũ không biết rõ nguồn gốc điện thoại trên do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm. Đối với cái ví của ông Nguyễn Thành T đã bị đốt cháy, do bị hại không nhớ chủng loại và nhãn hiệu nên không tiến hành định giá.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 21/4/2024 về tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về án phí:** Căn cứ các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Hồng Hà**